

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D2A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :	2	3	2	3	4	3	2				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GĐTC	TV	XSTK	HHC	HPT	TACS 2	VS - KST	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011007	Nguyễn Cao Việt	An	12/12/2004	0.0	1.4	0.0	0.0	0.0	2.8	0.0	0.7	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
2	16011026	Ứng Hồng Minh	Anh	20/03/2002	8.1	6.1	3.6	6.1	6.7	6.5	6.5	6.1	T.bình khá		1=16.7%(3:0)
3	16011028	Vũ Thị Vân	Anh	24/12/2001	8.7	2.3	8.8	7.1	7.5	6.7	6.7	6.4	T.bình khá		1=16.7%
4	16011031	Bùi Phương	Anh	01/08/2004	0.0	3.6	8.4	5.6	5.4	2.6	2.8	4.7	Yếu		3=50.0%(1:0)(6:0)(7:0)
5	16011020	Nguyễn Thị Hải	Ánh	10/01/2004	8.7	7.2	9.4	7.1	6.8	7.3	7.1	7.4	Khá		
6	16011031	Hứa Thị Ngọc	Ánh	07/07/2004	9.5	6.0	7.9	7.3	6.9	6.0	6.9	6.8	T.bình khá		
7	16011026	Lò Thị Kim	Bình	28/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
8	16011031	Cử Thị Hồng	Chung	10/10/2004	0.0	3.7	6.5	5.3	0.0	1.6	0.0	2.6	Yếu		4=66.7%(1:0)(6:0)(7:0)
9	16011028	Nguyễn Thị	Diệu	26/01/2004	9.2	6.0	6.5	7.0	7.4	6.5	0.0	5.9	Trung bình		1=16.7%(7:0)
10	16011021	Bùi Thái	Dương	04/11/2001	10.0	7.9	9.4	7.6	7.9	6.7	3.3	7.3	Khá		1=16.7%(7:0)
11	16011020	Phan Tiến	Đạt	20/04/2004	8.0	7.4	6.9	7.3	7.4	6.5	6.9	7.1	Khá		
12	16011025	Hoàng Thị Thu	Hà	03/01/2004	0.0	5.1	3.5	5.3	0.0	2.8	0.0	2.7	Yếu		4=66.7%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
13	16011028	Lê Thị	Hà	29/09/2004	9.9	3.7	7.3	7.5	7.2	6.4	6.1	6.4	T.bình khá		1=16.7%
14	16011020	Võ Thị	Hậu	30/08/1998	8.6	7.1	0.0	0.0	7.8	6.4	7.1	5.1	Trung bình		2=33.3%(3:0)
15	16011022	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	13/06/2004	9.6	7.5	8.2	7.3	7.9	7.0	6.7	7.5	Khá		
16	16011028	Nguyễn Thị	Hiền	28/11/2002	8.7	7.7	6.5	5.4	7.8	7.6	6.3	7.0	Khá		
17	16011039	Nguyễn Thị	Hiền	10/09/2003	0.0	3.7	3.6	5.6	0.0	0.0	0.0	2.1	Yếu		5=83.3%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
18	16011026	Phan Thế	Huy	29/09/1999	0.0	3.7	7.8	7.3	8.0	6.8	6.8	6.7	T.bình khá		1=16.7%(1:0)
19	16011024	Bùi Thị Khánh	Huyền	26/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)

			Số Đvht :	2	3	2	3	4	3	2				
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDTC	TV	XSTK	HHC	HPT	TACS 2	VS - KST	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011024	Nguyễn Mai Hương	18/07/2004	8.1	7.4	8.5	6.7	7.5	7.0	6.2	7.2	Khá		
21	16011026	Trần Thị Quỳnh Hương	07/07/2004	8.6	7.5	8.4	6.3	7.3	7.3	5.8	7.1	Khá		
22	16011029	Đặng Trung Kiên	15/10/1998	<u>0.0</u>	<u>4.1</u>	8.7	6.0	6.4	<u>3.1</u>	<u>3.3</u>	5.2	Trung bình		3=50.0%(1:0)(6:0)(7:0)
23	16011012	Lâm Ngọc Linh	11/12/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
24	16011014	Lê Nguyễn Thùy Linh	11/12/2004	8.7	7.5	6.5	5.8	7.9	7.0	6.2	6.9	T.bình khá		
25	16011015	Nguyễn Phương Linh	19/08/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
26	16011035	Nguyễn Quốc Linh	05/10/2002	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
27	16011040	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/07/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
28	16011038	Nguyễn Thành Long	23/06/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
29	16011026	Bùi Xuân Mai	06/10/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>3.0</u>	<u>0.0</u>	<u>3.1</u>	<u>0.0</u>	1.1	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
30	16011025	Lò Văn Tuấn Mạnh	25/03/2003	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
31	16011029	Trần Phương Nam	12/11/1997	<u>0.0</u>	<u>3.4</u>	<u>0.8</u>	<u>1.6</u>	<u>0.0</u>	<u>2.5</u>	<u>0.0</u>	1.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(3:0)(6:0)(7:0)
32	16011029	Trần Thị Kiều Nga	22/02/2002	9.7	7.2	8.2	7.7	6.9	7.7	7.5	7.5	Khá		
33	16011024	Trương Đại Nghĩa	20/10/2004	8.3	7.1	8.4	5.1	8.0	6.9	6.5	7.0	Khá		

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 9 (27.3%), T.bình khá: 6 (18.2%), Trung bình: 3 (9.1%), Yếu: 15 (45.5%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDTC: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(2) TV: THỰC VẬT

(3) XSTK: XÁC SUẤT THỐNG KÊ

(4) HHC: HÓA HỮU CƠ

(5) HPT: HÓA PHÂN TÍCH

(6) TACS 2 : TIẾNG ANH CƠ SỞ 2

(7) VS - KST: VI SINH KÝ SINH TRÙNG